

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH Q**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 21/2018/HS - ST
Ngày 21/11/2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH Q

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Võ Ngọc Thông.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đinh Thị Huệ.

2. Bà Nguyễn Thị nguyệt.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Đặng Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Q.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện S tham gia phiên toà: Bà Phan Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 21 tháng 11 năm 2018, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Q, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 16/2018/TLST - HS ngày 19 tháng 10 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXXST - HS ngày 09 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Đinh D.

Sinh ngày 07 tháng 3 năm 1977, tại huyện S, tỉnh Q.

Nơi cư trú: Thôn L, xã Sơn L, huyện S, tỉnh Q.

Nghề nghiệp: Nông; Trình độ học vấn: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hre; Tôn giáo: Không;

Con ông Đinh Ng, sinh năm 1955, con bà Đinh Thị H, sinh năm 1958.

Vợ bà Đinh Thị L, sinh năm 1979.

Con: Có 04 con lớn nhất 22 tuổi, nhỏ nhất 06 tuổi;

Đều có địa chỉ: Thôn L, xã Sơn L, huyện S, tỉnh Q.

Tiền án, tiền sự: không.

Ngày 19/10/2018, có Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo tại ngoại (Có mặt).

2. Đinh Tr.

Sinh ngày 02 tháng 4 năm 1979, tại huyện S, tỉnh Q.

Nơi cư trú: Thôn L, xã S, huyện S, tỉnh Q.

Nghề nghiệp: Nông; Trình độ học vấn: 02/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hre; Tôn giáo: Không;

Con ông Đinh Đ, sinh năm 1945, con bà Đinh Thị A, sinh năm 1953.

Vợ Đinh Thị K Riêu, sinh năm 1980.

Con: Có 02 con, lớn nhất 29 tuổi, nhỏ nhất 18 tuổi.

Đều có địa chỉ: Thôn L, xã Sơn L, huyện S, tỉnh Q.

Tiền án: Không; tiền sự: không.

Ngày 19/10/2018, có Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo tại ngoại (Có mặt).

Nguyên đơn dân sự: Ban Quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Th.

Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn D, huyện S, tỉnh Q.

Người đại diện theo Pháp luật: Ông Trịnh Quyết T - Chức vụ: Quyền Giám đốc Ban Quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Th (Có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Trung Q, sinh năm 1988 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn Di L, huyện S, tỉnh Q.

2. Ông Nguyễn Công Tr, sinh năm 1988 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố G, thị trấn D, huyện S, tỉnh Q.

3. Ông Phan Ú, sinh năm 1974 (Vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện S, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 24/8/2016, trong quá trình tuần tra, cán bộ Hạt Kiểm lâm huyện S và ông Phan Ú là hộ nhận giao khoán bảo vệ rừng, phát hiện rừng phòng hộ tại lô 08 và lô 20, khoảnh 6, tiểu khu 222A thuộc địa phận núi B, thôn L, xã S, huyện S, tỉnh Q bị chặt phá trái pháp luật nên trình báo cho Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Th. Ban quản lý rừng đã phân công cho cán bộ phụ trách địa bàn xã S để xác minh tìm đối tượng phá rừng và tiến hành các thủ tục ban đầu, sau đó chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện S để điều tra làm rõ.

Kết quả điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện S xác định vào khoảng tháng 8/2016 (không xác định ngày cụ thể) bị cáo Đinh D và bị cáo Đinh Tr rủ nhau lên núi B thuộc lô 08 và lô 20, khoảnh 06, tiểu khu 222A, thuộc khu vực thôn L, xã S, huyện S đốt tổ ong để lấy mật, khi lên núi B, bị cáo D và bị cáo Tr thấy có người đã phá rừng, nên cả hai rủ nhau phá rừng để lấy đất canh tác. Bị cáo D và bị cáo Tr thực hiện việc phá rừng trong 09 ngày cụ thể là: Bắt đầu từ 8 giờ sáng đến 17 giờ chiều hàng ngày, bị cáo D và bị cáo Tr mang theo mỗi người một cây rựa đến địa điểm phá rừng dùng rựa để phát luống, chặt những dây leo và những cây nhỏ được 02 ngày. Sau đó cả hai nghỉ một ngày rồi tiếp tục mang rựa lên núi để phá rừng 02 ngày nữa, đến

ngày thứ năm thì chỉ có một mình bị cáo D dùng cưa xăng lên núi B để hạ những cây gỗ lớn có kích thước 08cm đến 31cm. Trong khi hạ cây thì bị cáo D bị cây đổ xuống trúng vào đầu nên bất tỉnh, khoảng một tiếng sau thì D tỉnh dậy rồi đi về nhà, gia đình đưa bị cáo D đi điều trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Q. Còn bị cáo Đinh Tr sử dụng máy cưa xăng tiếp tục lên núi để cưa hạ những cây còn lại trong vòng 04 ngày. Đến khoảng tháng 10/2016, bị cáo D và bị cáo Tr lên lại chỗ rừng đã phá thì thấy những cây đã đốn hạ khô hết nên mua hạt keo giống về rải lên diện tích đã phá, sau 05 ngày thì lên đốt cho keo mọc. Trong khoảng thời gian keo mọc thì bị cáo D và bị cáo Tr cũng thường xuyên lên thăm nom, đến khoảng tháng 6 - 7/2017 thì keo đã lớn nên bị cáo D và bị cáo Tr lên để phát chồi.

Sau khi điều tra, xác định được bị cáo D và bị cáo Tr là các đối tượng đã chặt phá rừng. Ngày 17/10/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện S đã tổ chức khám nghiệm hiện trường vụ phá rừng trái phép tại núi B, thuộc lô 08 và lô 20, khoảnh 06, tiểu khu 222A, thuộc khu vực thôn L, xã S, huyện S. Xác định tổng diện tích rừng bị phá là 7.355m² (bảy nghìn ba trăm năm mươi lăm mét vuông).

* Tại kết luận giám định số 310/CCKL-GĐTP, ngày 20/4/2018 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Q kết luận:

+ Loại rừng (trạng thái rừng): Rừng tự nhiên lá rộng thường xanh nghèo.

+ Mục đích sử dụng: Rừng phòng hộ.

+ Trữ lượng rừng bị thiệt hại: 52,7552m³ /ha x 0,7355 ha = 38,8014m³ .

+ Khối lượng gỗ bị thiệt hại: 38,8014m³ x 55% = 21,3407m³.

* Tại kết luận số 08/KL-HĐĐG, ngày 07/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện S thì tổng giá trị thiệt hại trên diện tích 7.355m² rừng do bị cáo Đinh D và bị cáo Đinh Tr phá có tổng sản lượng gỗ bị thiệt hại 21,3407m³, giá trị quy thành tiền là 15.742.910 đồng (mười lăm triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn chín trăm mười đồng).

Tại bản cáo trạng số: 16/CT-VKS ngày 17/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố bị cáo Đinh D, bị cáo Đinh Tr về tội "Hủy hoại rừng" quy định tại điểm e khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Đinh D và Đinh Tr đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối với số cây keo đã trồng trên diện tích đất rừng bị phá, bị cáo D và Tr đồng ý chặt phá và trả lại diện tích đất 7.355m² cho Ban Quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Th.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ quyền công tố luận tội và tranh luận như sau: Đây là vụ án đồng phạm có tính giản đơn. Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Đinh D và bị cáo Đinh Tr đều thừa nhận hành vi rủ nhau dùng rựa, cưa xăng chặt phá rừng phòng hộ thuộc lô 08 và lô 20, khoảnh 06, tiểu khu 222A thuộc núi B, thôn L, xã S, huyện S, tỉnh Q với tổng diện tích rừng bị thiệt hại là 7.355m², để trồng cây keo chung bán chia đôi có đủ yếu tố cấu thành tội "Hủy hoại rừng". Do đó, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Đinh D và bị cáo Đinh Tr về tội "Hủy hoại rừng". Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo D, Tr thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần hậu quả cho nguyên đơn dân sự, các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 2 Điều 243, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, Điều 38, Điều 54 và Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Đinh D từ 15 đến 18 tháng tù; Xử phạt bị cáo Đinh Tr từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù.

Về phần dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, các Điều 584, 585, Điều 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Đinh D, bị cáo Đinh Tr bồi thường cho Ban Quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Th gồm các khoản như sau: Kinh phí đầu tư bảo vệ rừng là 855.019 đồng/7.355m²; kinh phí khắc phục hậu quả (trồng mới lại rừng theo quy trình 01 năm trồng, 03 năm chăm sóc và 05 năm bảo vệ tính từ năm 2010 đến năm 2016) là 25.608.788 đồng; Thiệt hại về gỗ rừng là 15.742.910 đồng. Tổng số tiền thiệt hại là: 42.206.717 đồng. Trước đó, bị cáo D và bị cáo Tr đã bồi thường cho Ban Quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Th mỗi bị cáo số tiền 500.000 đồng. Như vậy, mỗi bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho Ban Quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Th số tiền 20.603.358 đồng.

Đối với số cây keo mà các bị cáo D, Tr đã trồng trên diện tích đất rừng bị phá, yêu cầu các bị cáo nhỏ bỏ hoặc có cam kết không sử dụng hay khiếu nại đối với số cây keo trên.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình năm 2015. Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 cây rựa không có cán, chỉ còn phần lưỡi bằng kim loại dài 27cm; 01 cây rựa dài 58cm, cán rựa làm bằng gỗ tròn dài 30cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 28cm.

Đối với 01 cửa xăng, trong quá trình sử dụng làm công cụ để phá rừng đã bị hư hỏng nên bị cáo D đã bán cho người đi mua phế liệu và không thu hồi được.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo Đinh D, bị cáo Đinh Tr bồi thường các khoản chi phí thiệt hại: Kinh phí đầu tư bảo vệ rừng là 855.019 đồng/7.355m²; kinh phí khắc phục hậu quả (trồng mới lại rừng theo quy trình 01 năm trồng, 03 năm chăm sóc và 05 năm bảo vệ tính từ năm 2010 đến năm 2016) là 25.608.788 đồng; Thiệt hại về gỗ rừng là 15.742.910 đồng. Tổng số tiền thiệt hại là: 42.206.717 đồng. Trước đó, bị cáo D và bị cáo Tr đã bồi thường cho Ban Quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Th mỗi bị cáo số tiền 500.000 đồng. Như vậy, mỗi bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho Ban Quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Th số tiền 20.603.358 đồng. Đối với số cây keo mà bị cáo D và Tr đã trồng trên diện tích đất rừng bị phá. Đề nghị bị cáo D, bị cáo Tr chặt phá và có trách nhiệm trả lại diện tích đất 7.355m² cho Ban Quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Th.

Lời nói sau cùng của bị cáo Đinh D và bị cáo Đinh Tr đều thừa nhận hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phan Ú, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập để ông Ú khai báo trước phiên tòa hôm nay nhưng ông Phan Ú vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử xét thấy, ông Ú đã có lời khai rõ ràng tại hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của ông Ú không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Đinh D, Đinh Tr đều thừa nhận trước đây Ban Quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Th có thuê bảo vệ rừng, các bị cáo đều biết rừng của Nhà Nước nhưng vì muốn có đất để trồng keo chung nên vào khoảng tháng 08/2016 bị cáo D là người đề xuất, rủ rê bị cáo Tr đến khu vực rừng phòng hộ núi B tại lô 08 và lô 20, khoảnh 06, tiểu khu 222A thuộc thôn L, xã S, huyện S, tỉnh Q để chặt phá rừng tự nhiên trong 09 ngày, thời gian bắt đầu từ 08 giờ đến 17 giờ hàng ngày cụ thể như sau: Các bị cáo dùng rựa phát ranh luống và chặt những dây leo, cây nhỏ hết 02 ngày. Sau đó bị cáo D, Tr nghỉ 01 ngày rồi tiếp tục mang rựa vào phá rừng 02 ngày nữa. Đến ngày thứ 05 chỉ có một mình bị cáo D mang cưa xăng lên núi B để hạ những cây gỗ lớn có đường kính 08cm đến 31cm. Trong khi hạ cây bị cáo D bị cây đổ xuống trúng vào đầu nên bất tỉnh. Sau đó, gia đình bị cáo D đưa đi điều trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Q, còn bị cáo Tr sử dụng cưa xăng tiếp tục lên núi cưa hạ những cây còn lại trong 04 ngày. Tổng diện tích rừng bị phá là: 7.355m^2 , tổng trữ lượng rừng bị thiệt hại: $52,7552\text{m}^3/\text{ha} \times 0,7355\text{ha} = 38,8014\text{m}^3$. Tổng khối lượng gỗ bị thiệt hại: $21,3407\text{ m}^3$ có giá trị 15.742.910 đồng.

Những lời nhận tội của các bị cáo là phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, lời khai của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các chứng cứ khác có tại hồ sơ và thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, hành vi của các bị cáo D, bị cáo Tr đã vi phạm vào điểm b tiểu mục 3.6 mục 3 phần IV Thông tư liên tịch số 19 ngày 18/3/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Công an - Bộ Tư pháp - Viện kiểm sát nhân dân Tối cao. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Đinh D và bị cáo Đinh Tr phạm tội "Hủy hoại rừng" được quy định tại khoản 3 Điều 189 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tuy nhiên, hành vi của các bị cáo D, Tr thực hiện trước khi Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực thi hành. Theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì hành vi chặt phá rừng của các bị cáo với

tổng diện tích là 7.355m², khối lượng gỗ bị thiệt hại là 21,3407 m³ có giá trị 15.742.910 đồng đã phạm vào điểm e khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Theo tinh thần Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 về việc áp dụng có lợi cho người phạm tội. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố bị cáo Đinh D, bị cáo Đinh Tr về tội "Hủy hoại rừng" theo điểm e khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất và hành vi đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, bị cáo Đinh D và Đinh Tr là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chặt phá rừng của Nhà nước là vi phạm pháp luật, nhưng vì lợi ích cho bản thân muốn có đất để canh tác nên các bị cáo đã có hành vi hủy hoại rừng phòng hộ với diện tích 7.355 m². Các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp chế độ quản lý rừng của Nhà nước và ảnh hưởng đến môi trường sinh thái nên cần xử lý nghiêm.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo D, Tr thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, mỗi bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 500.000 đồng cho Ban Quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Th, các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Hội đồng xét xử cần xem xét một hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội, hành vi phạm tội của từng bị cáo. Xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục sau khi trở về địa phương trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo D, bị cáo Tr không có.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về áp dụng điều luật và mức hình phạt đối với từng bị cáo là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 234 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, bị cáo Đinh D, bị cáo Đinh Tr có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng hình phạt bổ sung.

Đối với một số cán bộ Hạt Kiểm lâm huyện S và Ban Quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Th phụ trách địa bàn nói trên, thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra, không phát hiện kịp thời để xảy ra rừng bị chặt phá. Do đó, Hội đồng xét xử kiến nghị Hạt Kiểm lâm huyện S, Ban Quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Th tổ chức họp kiểm điểm và có biện pháp xử lý đối với cán bộ của từng đơn vị phụ trách.

Đối với ông Phan Ú là người nhận khoán chăm sóc, bảo vệ rừng nhưng để xảy ra tình trạng rừng bị chặt phá thuộc lô 08 và lô 20, khoảnh 06, tiểu khu 222A thuộc thôn L, xã S, huyện S, tỉnh Q là thiếu trách nhiệm. Tuy nhiên ông Ú đã kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền ngăn chặn nhưng cần phê phán hành vi thiếu tinh thần trách nhiệm đối với ông Phan Ú.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, đại diện Ban Quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Th yêu cầu bị cáo Đinh D, bị cáo Đinh Tr bồi thường các khoản thiệt hại

gồm: Kinh phí đầu tư bảo vệ rừng là 855.019 đồng/7.355m²; kinh phí khắc phục hậu quả (trồng mới lại rừng theo quy trình 01 năm trồng, 03 năm chăm sóc và 05 năm bảo vệ tính từ năm 2010 đến năm 2016) là 25.608.788 đồng; Thiệt hại về gỗ rừng là 15.742.910 đồng. Tổng số tiền thiệt hại là: 42.206.717 đồng, trừ vào số tiền 500.000 đồng mà mỗi bị cáo đã bồi thường trước đó. Như vậy, các bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho Ban Quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Th số tiền 20.603.358 đồng/01 bị cáo. Hội đồng xét xử thấy có căn cứ nên chấp nhận.

Đối với số cây keo mà các bị cáo D, Tr đã trồng trên diện tích đất rừng bị phá, buộc các bị cáo nhổ bỏ hoặc có cam kết không sử dụng hay khiêu nại đối với số cây keo trên.

[4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 cây rựa không có cán, chỉ còn phần lưỡi bằng kim loại dài 27cm; 01 cây rựa dài 58cm, cán rựa làm bằng gỗ tròn dài 30cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 28cm.

[5] Về phần án phí: Các bị cáo Đinh D, Đinh Tr phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo được quy định tại Điều 331 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 189 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm b, khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, điểm e khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 38, Điều 47, Điều 48, Điều 54, Điều 58, Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 106, Điều 123, khoản 2 Điều 136, Điều 331 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Đinh D, Đinh Tr phạm tội " Hủy hoại rừng".

Xử phạt:

Bị cáo Đinh D 14 (Mười bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Bị cáo Đinh Tr 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Tiếp tục cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo Đinh D, Đinh Tr cho đến khi có Quyết định thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Đinh D, Đinh Tr có trách nhiệm bồi thường cho Ban Quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Th các khoản thiệt hại gồm: Kinh phí đầu

tư bảo vệ rừng là 855.019 đồng/7.355m²; kinh phí khắc phục hậu quả (trồng mới lại rừng theo quy trình 01 năm trồng, 03 năm chăm sóc và 05 năm bảo vệ tính từ năm 2010 đến năm 2016) là 25.608.788 đồng; Thiệt hại về gỗ rừng là 15.742.910 đồng. Tổng số tiền thiệt hại là: 42.206.717 đồng, trừ vào số tiền 500.000 đồng mà mỗi bị cáo đã bồi thường trước đó. Như vậy, các bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho Ban Quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Th số tiền 20.603.358 đồng/01 bị cáo.

Đối với số cây keo mà các bị cáo D, Tr đã trồng trên diện tích đất rừng bị phá, buộc các bị cáo nhổ bỏ hoặc có cam kết không sử dụng hay khiếu nại đối với số cây keo trên.

3. Về xử lý vật chứng: Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 cây rựa không có cán, chỉ còn phần lưỡi bằng kim loại dài 27cm; 01 cây rựa dài 58cm, cán rựa làm bằng gỗ tròn dài 30cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 28cm (*phản ảnh tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 19/11/2018 giữa Công an huyện S và Chi cục Thi hành án dân sự huyện S*).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm:

Bị cáo Đinh D phải chịu 200.000 đồng, tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.030.167 đồng, tiền án phí dân sự sơ thẩm; Bị cáo Đinh Tr phải chịu 200.000 đồng, tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.030.167 đồng, tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, đến khi thi hành xong các khoản tiền, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Công an huyện S;
- VKSND huyện S;
- VKSND tỉnh Q;
- THADS huyện S;
- TAND tỉnh Q;
- Sở Tư pháp tỉnh Q;
- Bị cáo; Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án + Ấn văn.

Võ Ngọc Thông

